

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/10/2019

V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1979

ĐKTT: xóm X, xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở: Y khu phố B, KCN B, thị xã D, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

Bị đơn: ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1976

ĐKTT: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Ngô Thị M trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Trong hai tháng chung sống thì ông bà thường xuyên gây gổ, cãi vã và ý kiến bất đồng trong cuộc sống. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2002 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Bà và ông T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ngô Thị M và ông Nguyễn Thanh T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H,

tỉnh Hà Tĩnh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2002, quyền số 01 ngày 18/7/2002 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 06/3/2016 bà M yêu cầu ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án “tranh chấp Ly hôn” để giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của cho ông T để thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/6/2019, ngày 06/9/2019 nhưng ông T không đến tham dự nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 20/9/2019 do bị đơn không đến, vì vậy, ngày 02/10/2019 bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo lời trình bày của bà M, sau khi cưới thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2002 chỉ sau 02 tháng đám cưới. Bà M cho rằng nguyên nhân là do ông bà không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã gay gắt. Quan hệ hôn nhân giữa ông bà M và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[4] Bà M và ông T không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn trình bày không có, nhưng chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị M với ông Nguyễn Thanh T.
- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà M nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 005438 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- UBND xã T;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa